

**TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2020

*(V/v: Tranh chấp về nuôi con của nam
nữ chung sống với nhau như vợ chồng
mà không ĐKKH)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Sân; Bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:

Bà Tô Đỗ yển Ly - Kiểm sát viên

Ngày 25/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 79/2020/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020, về việc Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. (có mặt).

Bị đơn: Anh Lò Văn S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2020, Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày: Chị và anh Lò Văn S được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2009, không có đăng ký kết hôn, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc đến cuối năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, không hòa hợp và bất đồng quan điểm, đã ly thân từ tháng 02 năm 2020. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị Ngân làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn S có 02 con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/10/2011 và Lò Văn D, sinh ngày 15/3/2015, hiện hai con chung đang sống cùng

chị N tại nhà của chị N và em gái chị N ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Từ nhỏ chị là người nuôi dưỡng chăm sóc các con còn anh S thường xuyên say rượu, đánh đập vợ con, không quan tâm, chăm sóc con. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi hai con chung là Lò Thị H và Lò Văn D cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị N đi làm, thu nhập 7.000.000đồng/tháng. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Lò Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Lò Văn S trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị N đúng như chị N đã trình bày. Anh và chị được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2009, không có đăng ký kết hôn, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc đến cuối năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, không hòa hợp và bất đồng quan điểm. Tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, anh S cho rằng hai vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, vợ anh tự ý bỏ nhà đi từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Về con chung: Anh S và chị N có hai con chung đúng như chị N đã trình bày, hiện tại hai con chung đang chung sống cùng với chị N. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lò Văn D cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, để cho chị N được nuôi dưỡng cháu Lò Thị H cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh S không yêu cầu chị Ngân phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, anh S khai làm ruộng thu nhập 300.000đồng đến 400.000đồng/tháng.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lò Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 27 tháng 7 năm 2020 của cháu Lò Thị H khai: Cháu là con đẻ của mẹ Lò Thị N và bố Lò Văn S, cháu không có tài sản riêng và hiện tại đang ở với mẹ. Nay bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, được mẹ nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành.

Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa Tòa án nhân dân huyện Tam Đường và chính quyền địa phương xã N xác định: chị Lò Thị N và anh Lò Văn S không có đăng ký kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 chị N và anh S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 2/2020 đến nay. Nguyên nhân là do anh S thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con và không vun vén cho cuộc sống gia đình. Hiện nay gia đình anh Lò Văn S và chị Lò Thị N thuộc hộ nghèo, nhà ở đã xuống cấp, anh S không có công ăn việc làm ổn định. Anh Lò Văn S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Văn D, sinh ngày 15/3/2015 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là không hợp lý. Căn cứ vào điều kiện chăm sóc con cái, để đảm

bảo điều kiện phát triển cho các con nên giao hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng được theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố nguyên đơn Lò Thị N và bị đơn Lò Văn S không phải là vợ chồng. Về con chung: đề nghị giao con chung Lò Thị H, sinh ngày 08/10/2011 và Lò Văn D, sinh năm 15/3/2015 cho chị Lò Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Lò Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và miễn nộp án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn Lò Văn S cư trú tại Bản H, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn S có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn S là hôn nhân không hợp pháp. Sau khi tổ chức đám cưới, Chị N và anh S chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 02 năm 2020.

Nay chị Lò Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N có quyền đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn S. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh S là quan hệ hôn

nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngân, căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố chị N, anh S không phải là vợ chồng.

[3]. Việc nuôi con: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn S có 02 con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/10/2011 và Lò Văn D, sinh ngày 15/3/2015. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị N không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Lò Văn D cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, để cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Lò Thị H cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của con chung và điều kiện chăm sóc con chung của chị N, anh S: Xét thấy, anh S không có thu nhập ổn định, chị N chứng minh được thu nhập của mình là 7.000.000 đồng/tháng. Cháu Lò Thị H là con gái và nguyện vọng của cháu là được ở cùng với mẹ, cháu Lò Văn D hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa từ nhỏ các con chung của anh chị đều do chị N chăm sóc. Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã N đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Để các con chung của chị N, anh S có điều kiện phát triển bình thường, trên cơ sở nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/10/2011 và Lò Văn D, sinh ngày 15/3/2015 cho chị Lò Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp. Chị N không đề nghị anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4]. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Gia đình chị Lò Thị N thuộc hộ nghèo, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Lò Thị N thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N.
2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Lò Thị N và anh Lò Văn S không phải là vợ chồng.
3. Việc nuôi con: Giao con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/10/2011 và Lò Văn D, sinh năm 15/3/2015 cho chị Lò Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Lò Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
4. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lò Thị N.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện Tam Đường.
- CCTHADS huyện Tam Đường.
- Người TGTT.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết